

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần Chứng khoán Việt Quốc

Năm báo cáo: 2012

## 1. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần chứng khoán Việt Quốc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4603000298 do Sở KHĐT tỉnh Bình Dương cấp
- Vốn điều lệ: 45.000.000.000đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 45.000.000.000đồng
- Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, P. Phạm Đình Hồ, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: (84-4) 3974 6999
- Số fax: (84-4) 3974 6834
- Website: [www.vqs.vn](http://www.vqs.vn)
- Mã cổ phiếu: không có

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Quốc (VQS) được thành lập theo Quyết định số 55/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Quốc; Quyết định số 207/UBCK-GP ngày 13/03/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số 55/UBCK-GPHĐKD; Quyết định số 60/UBCK – GCN ngày 13/03/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và Quyết định số 250/QĐ-UBCK ngày 21/07/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận thay đổi địa điểm trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Quốc.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Theo Quyết định số 55/UBCK-GPHĐKD cấp ngày 29/12/2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, ngành nghề kinh doanh chính của VQS là:

- + Môi giới chứng khoán.
- + Tự doanh chứng khoán
- + Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

+ Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

+ Lưu ký chứng khoán.

Theo Quyết định số 207/UBCK-GP về việc sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số 55/UBCK-GPHĐKD, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho VQS được rút nghiệp vụ tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Theo đó, kể từ ngày 13/03/2009, VQS có ngành nghề kinh doanh chính là:

+ Môi giới chứng khoán.

+ Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

+ Lưu ký chứng khoán.

- Địa bàn kinh doanh: Công ty cổ phần chứng khoán có trụ sở chính đặt tại Hà Nội và 01 chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh. Địa bàn kinh doanh chủ yếu tập trung ở hai khu vực này.

#### *4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

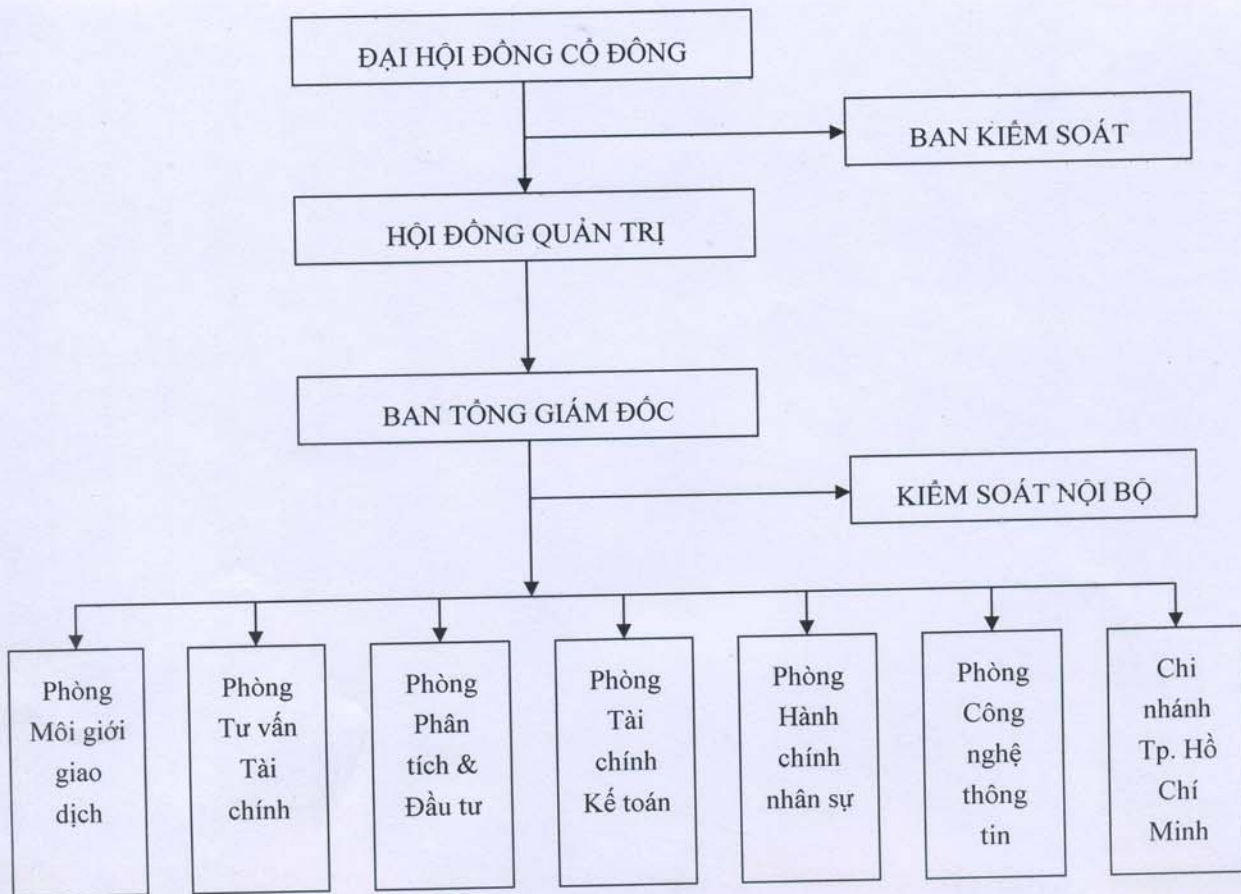
##### *4.1. Mô hình quản trị:*

- Mô hình quản trị của CTCP Chứng khoán Việt Quốc bao gồm: Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các phòng, ban chức năng.

- ✓ Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, có quyền lực cao nhất của VQS, quyết định những vấn đề được điều lệ VQS quy định. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của VQS.
- ✓ Hội đồng quản trị: là cơ quan giám sát các hoạt động của ban điều hành đặc biệt là Tổng Giám đốc. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và điều lệ VQS, các quy chế nội bộ, nghị quyết ĐHĐCĐ của VQS quy định.
- ✓ Ban Tổng Giám đốc: Hiện nay Ban Tổng Giám đốc có duy nhất một Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động hàng ngày của VQS, Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm chính trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Công ty thực hiện phân cấp thẩm quyền ra quyết định đối với từng cấp quản trị tại quy chế quản trị. Các bộ phận thành lập và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể.

##### *4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:*



4.3. Các công ty con, công ty liên kết: không có

### 5. Định hướng phát triển

- Kế hoạch nổi bật trong tương lai của VQS là việc hoàn thiện quy chế quản trị Công ty đồng thời VQS đặt kế hoạch tập trung vào vấn đề phát triển nguồn nhân lực. Mục tiêu của bất cứ công ty nào cũng là lợi nhuận, song VQS xác định trong lĩnh vực chứng khoán, con người là nhân tố quyết định nhất cho sự thành công. Vì vậy, song song với việc nâng cao năng lực tài chính, tối ưu hóa hệ thống công nghệ thông tin, việc tuyển dụng, đãi ngộ và sử dụng người tài là vấn đề trọng điểm của Ban lãnh đạo trong năm 2013.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Năm 2012, VQS phấn đấu phải gây dựng được niềm tin của nhà đầu tư bằng việc cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán hoàn hảo, tư vấn đầu tư chứng khoán hiệu quả, có mô hình tổ chức và cơ cấu nhân sự phù hợp, có đội ngũ cán bộ giỏi, chuyên nghiệp, đáp ứng các yêu cầu của nhà đầu tư một cách tốt nhất.

Các định hướng phát triển cụ thể như:

+ Tăng cường năng lực tài chính, phấn đấu đạt tỉ suất lợi nhuận trên vốn ở mức cao;

+ Tập trung phát triển mạnh chất lượng dịch vụ ở cả hội sở và chi nhánh để dần dần chiếm lĩnh thị trường và tăng thị phần của VQS;

+ Đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ thông tin, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ, xây dựng và triển khai hệ thống thông tin quản trị để có thể cung cấp các dịch vụ và tiện ích thuận lợi cho khách hàng, đảm bảo duy trì lợi thế cạnh tranh với trình độ công nghệ thông tin ở mặt bằng chung của thị trường;

+ Phát triển và bồi dưỡng nguồn nhân lực để có thể duy trì lợi thế cạnh tranh, phát triển năng lực của cán bộ, nhân viên, khuyến khích sự cống hiến xuất sắc, có các chế độ thưởng công xứng đáng và tạo điều kiện phát triển toàn diện cho cán bộ nhân viên gắn bó với VQS. VQS cố gắng đào tạo chuyên sâu theo yêu cầu công việc, tăng cường huấn luyện và đào tạo tại chỗ, khuyến khích cán bộ nhân viên tự học để nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: VQS nhận thấy rằng, sự cạnh tranh giữa các công ty Chứng khoán là cuộc đua về chất lượng dịch vụ. Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán Việt Nam đang thu hút được không những sự quan tâm của nhà đầu tư trong nước mà cả nhà đầu tư nước ngoài. Chính vì vậy, trong kế hoạch trung và dài hạn, VQS sẽ mở rộng tầm nhìn ra khu vực và thế giới, học hỏi kinh nghiệm của các nước đã có thị trường chứng khoán phát triển nhằm:

+ Đầu tư mua phần mềm công nghệ thông tin hiện đại để có khả năng hỗ trợ cán bộ nhân viên và nhà đầu tư tối đa;

+ Hợp tác với các tổ chức tài chính nước ngoài trong lĩnh vực đào tạo bằng các khóa học dài hạn và ngắn hạn.

## *6. Các rủi ro*

### *6.1. Rủi ro chiến lược*

Là rủi ro liên quan tới công tác hoạch định, xây dựng, thực hiện chiến lược và định hướng hoạt động của VQS. Rủi ro chiến lược không những ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp mà còn có thể ảnh hưởng đến sự tồn vong của VQS. Vì vậy, trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động của công ty nhằm thực hiện chiến lược đặt ra phải đảm bảo:

- Quy mô công ty phải phù hợp với quy mô thị trường. Việc mở rộng quy mô, mạng lưới, nhân sự ... phải phù hợp với tình hình thị trường, đảm bảo công ty hoạt động hiệu quả trong mọi điều kiện thị trường.

- Hoạt động cung ứng, hỗ trợ vốn cho khách hàng không gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của toàn công ty.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, có đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng các giá trị của VQS.

- Các quy định, quy trình nội bộ của mọi đơn vị trực thuộc, mọi hoạt động của công ty tuân thủ quy định này nhằm hạn chế tối đa rủi ro phát sinh, đảm bảo công ty hoạt động an toàn, hiệu quả.

#### *6.2. Rủi ro thị trường*

Dự báo năm 2013 kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, bất ổn. Các vấn đề cần đặc biệt quan tâm là lạm phát, nợ xấu của hệ thống ngân hàng, hàng tồn kho đặc biệt là bất động sản ... Tình hình thực hiện kế hoạch tái cấu trúc nền kinh tế của Chính phủ sẽ là nhân tố ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế trong năm. Các doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh dự báo chưa khả quan. Tình hình thực hiện kế hoạch tái cấu trúc Thị trường Chứng khoán có ảnh hưởng lớn tới thị trường và hoạt động của các công ty chứng khoán.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất, giá chứng khoán và thanh khoản thị trường.

#### *6.3 Rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất liên quan trực tiếp đến việc sử dụng và phân bổ các luồng vốn cho các hoạt động cung ứng vốn cho khách hàng phụ thuộc trực tiếp vào lãi suất thị trường. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích tình hình và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản tiền gửi, hạn mức, lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ để có được mức lãi suất hợp lý và có thể cạnh tranh trên thị trường.

#### *6.4. Rủi ro thanh khoản*

Quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng về tiền nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

#### *6.5 Rủi ro hoạt động và tuân thủ*

Là rủi ro liên quan đến các hoạt động của VQS và việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định, quy trình của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến thị trường chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. Đảm bảo việc phổ biến các chế độ, chính sách của Nhà

nước; quy định, quy trình của công ty cho tất cả các đơn vị, cán bộ có liên quan. Nhờ đó giúp công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề về pháp luật. Công ty cũng đã ban hành các quy trình nghiệp vụ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban nghiệp vụ và thực hiện phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong công ty giúp công ty hạn chế những rủi ro hoạt động.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### *1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

Năm 2012 được coi là một trong những năm kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn. Cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu tiếp tục sa lầy và lối thoát chưa thực sự rõ ràng, kinh tế Mỹ, Nhật bản đều không mấy khả quan. Các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Brazil,.. đều không giữ được tốc độ tăng trưởng như 3-5 năm trước đây.

Việt Nam bước vào năm 2012 trong bối cảnh bất ổn kinh tế vĩ mô gia tăng. Đó là lạm phát tăng và luôn ở mức cao, thị trường ngoại hối biến động rất mạnh, dự trữ ngoại hối sụt giảm nhanh, mức rủi ro quốc gia tăng mạnh sau khi một trong những doanh nghiệp nhà nước lớn nhất lâm vào tình trạng vỡ nợ, bội chi ngân sách và thâm hụt thương mại cao, khu vực ngân hàng và doanh nghiệp yếu kém.

Dư âm để lại của năm 2011 là quá lớn. Do đó, đối với Việt Nam, nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2012 là ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì mức tăng trưởng một cách hợp lý gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu nền kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Kết thúc năm 2012, có tạm nhận xét rằng các chính sách kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô về cơ bản có phát huy tác dụng, mức lạm phát đã giảm và kinh tế vĩ mô giữ được ở mức khá ổn định trong tầm ngắn hạn. Mức lạm phát cả năm có nhiều khả năng kiềm chế được ở mức một chữ số. Tuy nhiên, nếu xét về trung và dài hạn thì kinh tế vĩ mô vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn, khó lường. Công ty cổ phần chứng khoán Việt Quốc (VQS) cũng không tránh khỏi bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, VQS năm thứ 2 đã lỗ 9.918.504.096 đồng.

### *2. Tổ chức và nhân sự*

**Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:**

**Ông: Nguyễn Thành Nam - Tổng Giám đốc:**

- Ngày tháng năm sinh: 14 - 11 - 1969;

- Nơi sinh: Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND/Hộ chiếu số: 011388233 cấp ngày : 26/05/2005 tại Hà Nội.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A401 Tòa nhà M3,M4 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Chỗ ở hiện tại: A401 Tòa nhà M3M4 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế.
- **Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:**

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo
9/1990 -10/1993	Học viện Ngân hàng	Kế toán
6/1995- 7/1997	Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính-Kế toán
1/1999 - 4/1999	NewYork Institute of Finance	Luật Chứng khoán
1/2000 - 4/2000	Joint Vienna Institute	Ứng dụng chính sách kinh tế
7/2001- 8/2002	Columbia University	Quản lý chính sách kinh tế vĩ mô

**- Quá trình làm việc:**

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/1993-5/1995	Westralian Sand Company Ltd.	Kế toán
6/1995-3/1996	V-TRAC Company Ltd.	Kế toán
4/1996-9/1997	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Chuyên viên
10/1997-12/1999	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Phó Trưởng phòng
1/2000-6/2001	Ủy ban	Trưởng phòng

	Chứng khoán Nhà nước	
10/2002 5/2003	Dan-D Foods Ltd.	Nhân viên
6/2003-11/2003	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Trưởng phòng
12/2003-2006	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Chuyên viên
12/2006 - Nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Việt Quốc	Tổng Giám Đốc

- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm: không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Tổng số cán bộ nhân viên trong Công ty là 18 người tính đến hết ngày 31/12/2012.

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, theo đó CBNV trong công ty được đóng BHXH, BHYT, BHTN, được thưởng và nghỉ lễ theo đúng quy định, các chế độ phúc lợi và đãi ngộ tốt. Công ty đã quan tâm chăm sóc động viên cán bộ khi bị đau ốm, thực hiện các chế độ thai sản, hiếu, hỷ...đầy đủ.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### 3.1 Các khoản đầu tư lớn

#### 3.2. Các công ty con, công ty liên kết

### 4. Tình hình tài chính

#### 4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	80.758.666.183	32.916.454.840	-59.24%
Doanh thu thuần	16.921.270.677	3.543.478.337	-79.06%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.379.228.773	(3.413.229.621)	-177.94%
Lợi nhuận khác	(81.151.276)	3.030.255.802	3834.08%
Lợi nhuận trước thuế	(4.309.237.946)	(9.918.504.096)	-130.17%
Lợi nhuận sau thuế	(4.309.237.946)	(9.918.504.096)	-130.17%



Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			
----------------------------	--	--	--

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	ĐVT
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.33	1.93	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1.33	1.93	Lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	62.80	38.84	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	168.75	63.49	%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-25.46	-279.9	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-14.33	-49.26	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-5.33	-30.13	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	25.88	-96.32	%
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Đến 31/12/2012, tổng số cổ phần của CTCP Chứng khoán Việt Quốc là: 4.500.000 cổ phần

Trong đó: - Số cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng đang lưu hành là: 4.500.000 cổ phần

- Số cổ phần ưu đãi, hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông

	Tên cổ đông góp vốn	Vốn góp						Tỷ lệ góp vốn
		Tổng số cổ phần		Loại cổ phần				
		Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Phổ thông		Ưu đãi		
				Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	Số lượng	Giá trị (triệu đồng)	
1	Nguyễn Thị Hương Giang	3.600.000	36.000	3.600.000	36.000	0	0	80%
2	Lê Việt Cường	450.000	4.500	450.000	4.500	0	0	10%
3	Bùi Thị Nụ	450.000	4.500	450.000	4.500	0	0	10%
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>4.500.000</b>	<b>45.000</b>	<b>4.500.000</b>	<b>45.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>100%</b>

4.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

4.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

4.5. Các chứng khoán khác: Không có

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

2.1.1. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>				
Số dư đầu năm	447,086,335	1,352,837,600	5,363,341,314	7,163,265,249
- Mua trong năm	0	0	46,312,944	46,312,944
- Thanh lý, nhượng bán	(48,290,000)	(482,653,600)	(252,616,056)	(783,559,656)
Số dư cuối năm	398,796,335	870,184,000	5,157,038,202	6,426,018,537
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	304,728,340	716,756,177	3,831,608,976	4,853,093,493
- Khấu hao trong năm	92,957,109	171,844,755	866,009,628	1,130,811,492
- Thanh lý, nhượng bán	(16,096,668)	(335,176,105)	(210,513,380)	(561,786,153)
Số dư cuối năm	381,588,781	553,424,827	4,487,105,224	5,422,118,832
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>				
- Tại ngày đầu năm	142,357,995	636,081,423	1,531,732,338	2,310,171,756
- Tại ngày cuối năm	17,207,554	316,759,173	669,932,978	1,003,899,705

2.1.2. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
Số dư đầu năm	8,955,517,087	0	8,955,517,087
Số dư cuối năm	8,955,517,087	0	8,955,517,087
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2,641,836,776	0	2,641,836,776
- Khấu hao trong kỳ	1,471,519,373	0	1,471,519,373
Số dư cuối năm	4,113,356,149	0	4,113,356,149
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</b>			
- Tại ngày đầu năm	6,313,680,311	0	6,313,680,311
- Tại ngày cuối năm	4,842,160,938	0	4,842,160,938

2.2. Tình hình nợ phải trả

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		
1. Vay và nợ ngắn hạn	12,783,727,730 5,000,000,000	50,702,234,978 -

2. Phải trả người bán	210,779,814	45,952,266
3. Người mua trả tiền trước	-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	46,171,706	59,187,204
5. Phải trả người lao động	360,556,432	130,642,423
6. Chi phí phải trả	145,833,333	8,870,331
8. Phải trả, phải nộp khác	579,811,218	48,614,943,329
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	6,440,575,227	1,837,590,425
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	-	5,049,000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	-	<b>5,200,000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	5,200,000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12,783,727,730</b>	<b>50,707,434,978</b>

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Về cơ bản, cơ cấu tổ chức quản lý của VQS trong năm 2012 không có những thay đổi lớn. Thay vào đó, VQS tập trung vào vấn đề tuyển dụng người tài, đặc biệt là các trường phòng, bộ phận và có những chính sách đãi ngộ xứng đáng đối với kết quả làm việc của cán bộ nhân viên.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch nổi bật trong tương lai của VQS là việc hoàn thiện quy chế quản trị Công ty đồng thời VQS đặt kế hoạch tập trung vào vấn đề phát triển nguồn nhân lực. Mục tiêu của bất cứ công ty nào cũng là lợi nhuận, song VQS xác định trong lĩnh vực chứng khoán, con người là nhân tố quyết định nhất cho sự thành công. Vì vậy, song song với việc nâng cao năng lực tài chính, tối ưu hóa hệ thống công nghệ thông tin, việc tuyển dụng, đãi ngộ và sử dụng người tài là vấn đề trọng điểm của Ban lãnh đạo trong năm 2013.

### 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2012, về cơ bản công ty giữ nguyên quy mô, cơ cấu, tổ chức, nhân sự và ổn định trong mọi hoạt động. Tập trung chính vào việc đảm bảo và nâng cao chất lượng dịch vụ và đẩy mạnh việc nghiên cứu, phát triển các sản phẩm dịch vụ tiện ích phục vụ nhu cầu của nhà đầu tư.

### 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

#### 2.1. Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh

Trong năm 2012, trên tinh thần chủ động vượt khó, mặc dù đặt mục tiêu là VQS có lợi nhuận, doanh thu đủ bù đắp chi phí, nhưng trước những biến động bất lợi của thị trường chứng khoán, VQS đã không hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2012 với mức lợi nhuận là âm 9.918.504.096 đồng

## 2.2. Việc tổ chức và điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày

Năm 2012, tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ theo các quy định của luật pháp hiện hành.

Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

### V. Quản trị công ty

#### 1. Hội đồng quản trị

##### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phần sở hữu	Tỉ lệ %
1	Nguyễn Thị Hương Giang	Chủ tịch Hội đồng quản trị	3.600.000	80%
2	Lê Việt Cường	Thành viên Hội đồng quản trị - Không điều hành	450.000	10%
3	Bùi Thị Nụ	Thành viên Hội đồng quản trị - Không điều hành	450.000	10%

##### 1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

##### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2012, Hội đồng Quản trị của Công ty đã tổ chức họp và có các chỉ đạo kịp thời với các nội dung chính sau:

- ✓ Thông qua các nội dung của chương trình Đại hội đồng cổ đông năm 2012
- ✓ Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh các quý và năm 2012.
- ✓ Thông qua kế hoạch phát triển năm 2013.

*1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành*

Ông Lê Việt Cường và bà Bùi Thị Nụ – Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành đã tham dự các buổi họp HĐQT, tham gia đóng góp ý kiến cho Công ty trong việc hoạch định kế hoạch SXKD.

*1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có*

*1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, tham gia các chứng trình về quản trị công ty trong năm: Không có*

*2. Ban kiểm soát*

*2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát*

*2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát*

Trong năm 2012, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2012.
- Tham gia các buổi họp HĐQT định kỳ hàng quý.
- Tham gia các buổi làm việc của Ban lãnh đạo Công ty về kế hoạch ứng phó của Công ty trước các diễn biến phức tạp của kinh tế vĩ mô và thị trường Tài chính trong nước và quốc tế;
- Tham gia một số buổi làm việc của Ban lãnh đạo công ty về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện hàng quý;
- Xem xét các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do Ban Tổng giám đốc và Ban Tài chính kế toán chuẩn bị;
- Tham gia các buổi làm việc về Chiến lược hoạt động của công ty.

*2.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát*

*a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích*

*b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có*

*c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có*

*d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty*

Công ty đã xây dựng qui chế quản trị công ty. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản trị, quản lý Công ty, đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, ban điều hành.

**VI. Báo cáo tài chính**

*1. Ý kiến kiểm toán*



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

## THANG LONG - T. D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội : Số 23 Đỗ Quang, Cầu Giấy, Hà Nội  
Chi nhánh Miền Nam : C14, Quang Trung, phường 11  
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM : Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP.HCM  
Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tống, TP.Đà Nẵng  
Chi nhánh Lạng Sơn : Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu

-Tel: (04)6 251 0008 -Fax: (04)6 251 1327  
-Tel: (08)3 589 7462 -Fax: (08)3 589 7464  
-Tel: (08)3 848 0763 -Fax: (08)3 526 7187  
-Tel: (0511)3 651 818 -Fax: (0511)3 651 868  
-Tel: (025)3 718 545 -Fax: (025)3 716 264

Số: 78 /2013/BCKT/TC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

#### Về Báo cáo tài chính năm 2012

#### của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Quốc

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT QUỐC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Quốc được lập ngày 07 tháng 5 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tính hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

#### *Cơ sở ý kiến*

Công việc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực và quy chế này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

#### *Ý kiến Kiểm toán viên*

- Công ty chưa thực hiện theo dõi và phân loại nợ phải thu theo tuổi nợ, với các bằng chứng thu thập được chúng tôi không đủ cơ sở để kiểm tra phân loại và xác định mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2012.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính vì lý do nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần chứng khoán Việt Quốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

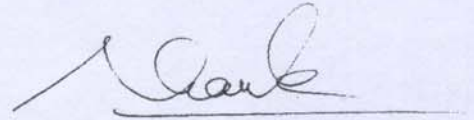
Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2013

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
THĂNG LONG - T.D.K**



**TU QUỲNH HẠNH**  
Chứng chỉ KTV số: 0313/KTV

Kiểm toán viên



**NGUYỄN TIẾN THÀNH**  
Chứng chỉ KTV số: 1706/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>24.616.968.941</b>	<b>67.605.216.930</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.592.712.717</b>	<b>3.260.807.469</b>
1. Tiền	111	V.01	5.592.712.717	3.260.807.469
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.02</b>	<b>18.505.201.240</b>	<b>63.118.663.141</b>
1. Phải thu khách hàng	131		408.670.400	534.920.400
2. Trả trước cho người bán	132		427.158.255	998.270.647
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		2.684.473.967	7.639.009.000
5. Các khoản phải thu khác	138		14.984.898.618	53.946.463.094
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>519.054.984</b>	<b>1.225.746.321</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.140.000	13.812.741
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		201.745.248	205.258.502
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.03	39.594.707	55.554.436
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	273.575.029	951.120.642
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.299.485.899</b>	<b>13.153.449.253</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.846.060.643</b>	<b>8.623.852.067</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	1.003.899.705	2.310.171.756
- Nguyên giá	222		6.426.018.537	7.163.265.249
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.422.118.832)	(4.853.093.493)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	4.842.160.938	6.313.680.311
- Nguyên giá	228		8.955.517.087	8.955.517.087
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.113.356.149)	(2.641.836.776)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.453.425.256</b>	<b>4.529.597.186</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	1.313.180.029	3.292.045.458
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.08	1.045.328.827	943.127.120
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.09	94.916.400	294.424.608
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>32.916.454.840</b>	<b>80.758.666.183</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.783.727.730</b>	<b>50.707.434.978</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.783.727.730</b>	<b>50.702.234.978</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	5.000.000.000	0
2. Phải trả người bán	312		210.779.814	45.952.266
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	46.171.706	59.187.204
5. Phải trả người lao động	315		360.556.432	130.642.423
6. Chi phí phải trả	316	V.12	145.833.333	8.870.331
8. Phải trả, phải nộp khác	317	V.13	579.811.218	48.614.943.329
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		6.440.575.227	1.837.590.425
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		0	5.049.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>5.200.000</b>
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	5.200.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>20.132.727.110</b>	<b>30.051.231.205</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.14	<b>20.132.727.110</b>	<b>30.051.231.205</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.451.920	5.451.920
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(24.872.724.810)	(14.954.220.715)
<b>II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>32.916.454.840</b>	<b>80.758.666.183</b>

Lập, ngày 07 tháng 05 năm 2013

Người lập

Hoàng Chi Dương

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LAN ANH

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THÀNH NAM

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu</b>	<b>1</b>	<b>VI.15</b>	<b>3.543.478.337</b>	<b>16.921.270.677</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		405.390.886	1.544.595.453
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		121.900.000	1.092.566.181
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		19.079.500	7.629.800
- Doanh thu khác	01.9		2.997.107.951	14.276.479.243
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>3.543.478.337</b>	<b>16.921.270.677</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>VI.16</b>	<b>6.956.707.958</b>	<b>12.542.041.904</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.413.229.621)</b>	<b>4.379.228.773</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>VI.17</b>	<b>9.535.530.277</b>	<b>8.607.315.442</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(12.948.759.898)</b>	<b>(4.228.086.670)</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>	<b>VI.18</b>	<b>3.358.182.989</b>	<b>304.799.137</b>
<b>9. Chi phí khác</b>	<b>32</b>	<b>VI.19</b>	<b>327.927.187</b>	<b>385.950.413</b>
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>3.030.255.802</b>	<b>(81.151.276)</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(9.918.504.096)</b>	<b>(4.309.237.946)</b>
<b>12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(9.918.504.096)</b>	<b>(4.309.237.946)</b>

Lập, ngày 07 tháng 05 năm 2013

Người lập

Khổng Chi Dương

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LAN ANH

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THÀNH NAM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD</b>				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	1		(9.918.504.096)	(4.309.237.946)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			<b>2.040.544.712</b>	<b>2.690.670.492</b>
- Khấu hao TSCĐ	2		2.040.544.712	2.693.340.492
- Các khoản dự phòng	3		-	(2.670.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(2.733.681.330)	6.142.623.603
- Chi phí lãi vay	6		1.254.375.821	6.077.109.899
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	8		<i>(9.357.264.893)</i>	<i>10.601.166.049</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		45.042.020.768	62.329.360.409
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(43.280.335.259)	(76.968.490.334)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.988.538.169	1.657.107.301
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.254.375.821)	(5.786.623.789)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15		1.222.378.495	-
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16		-	(216.231.814)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	20		<i>(5.639.038.540)</i>	<i>(8.383.712.178)</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(46.312.944)	(383.429.245)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		283.575.403	3.636.363
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.733.681.330	108.115.907
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>2.970.943.789</i>	<i>(271.676.975)</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		15.379.087.838	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.379.087.838)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>5.000.000.000</i>	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)</b>	50		<b>2.331.905.249</b>	<b>(8.655.389.153)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>3.260.807.469</b>	<b>11.915.921.939</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61		-	274.683
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	70		<b>5.592.712.717</b>	<b>3.260.807.469</b>

Lập, ngày 07 tháng 05 năm 2013

Người lập

Khổng Thị Dương

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LAN ANH

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THÀNH NAM

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Thành Nam*

